

Bản án số: 47 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2020

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phước

2. Ông Nguyễn Công Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Huy – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2020 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ng, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, Bến Tre (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông T-Văn Phòng Luật sư T (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Đ, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ng trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện kết hôn năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Sau khi kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc với nhau được một thì gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống với nhau. Thậm chí anh Đ còn đánh chị và ham dọa chị rất nhiều lần. Chị và anh Đ sống ly thân từ tháng 10/2015 đến nay. Nay chị thấy không còn tình cảm và không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Đ có 01 con chung tên Th, sinh ngày 02/6/2012. Hiện cháu Th đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

\* Quá trình tố tụng tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2020 bị đơn anh Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Ng tự nguyện cưới nhau năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Trước đây chị Ng đã gửi đơn yêu cầu ly hôn với anh một lần nhưng anh cố gắng hàn gắn nên chị Ng rút đơn. Anh và chị Ng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Thời gian ly thân anh có gặp chị Ng để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng chị Ng cứ im lặng. Hiện anh còn tình cảm với chị Ng nên anh không đồng ý ly hôn với chị Ng.

- Về con chung: có 01 con chung tên Th, sinh ngày 02/6/2012, hiện đang sống với chị Ng. Nếu ly hôn, anh yêu cầu xem xét theo nguyện vọng của con nếu sống với chị Ng thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, nếu sống với anh thì anh không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên HĐXX thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị Ng ly hôn với anh Đ. Về con chung: Giao cháu Th cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận chị Ng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Không có nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung: Không có.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa bị đơn anh Đ vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh Đ kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A theo quy định pháp luật vào năm 2010. Do đó, hôn nhân của chị Ng và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị Ng cho rằng mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên yêu cầu ly hôn với anh Đ. Anh Đ biết Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án nhưng vẫn không đến Tòa cho thấy anh Đ không có thiện chí hàn gắn cùng chị Ng. Tuy kết quả xác minh chính quyền địa phương không nắm rõ tình trạng hôn nhân của chị An và anh Đ, nhưng qua việc lấy lời khai anh Đ cũng thừa nhận chị Ng và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, trước đây chị Ng đã có lần nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với anh. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Ng và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị An là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên yêu cầu ly hôn của chị Ng được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Ng và anh Đ có 01 con chung Th, sinh ngày 02/6/2012, hiện đang sống cùng chị Ng. Qua biên bản lấy ý kiến con chung ngày 24/4/2020 cháu Th có nguyện vọng sống chung với chị An. Xét thấy yêu cầu tiếp tục nuôi con của chị Ng là có cơ sở, đảm bảo ổn định về cuộc sống cũng như việc phát triển của cháu Th nên HĐXX chấp nhận giao cháu Th cho chị Ng nuôi dưỡng và ghi nhận chị Ng tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Ng phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Ng ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Chị Ng có quyền trực tiếp nuôi con chung tên Th, sinh ngày 02/6/2013. Ghi nhận chị Ng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: Chị Ng phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0009171 ngày 09/3/2029 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Tùng**